

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIWOA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN VIWOA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIWOA GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VIWOA GROUP.,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110143586

**3. Ngày thành lập:** 10/10/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Phòng 14-15A, Tầng 7, Toà nhà Charmvit, Số 117 Đường Trần Duy Hưng, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916881155

Fax:

Email: [infor@viwoa.vn](mailto:infor@viwoa.vn)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt hệ thống âm thanh, ánh sáng (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4329     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4651     |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4652     |
| 4.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4659     |
| 5.  | Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8220     |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức, xúc tiến và quản lý các sự kiện (trừ tổ chức các sự kiện trong lĩnh vực có sử dụng chất cháy nổ làm đạo cụ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 8230     |
| 7.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 9000     |
| 8.  | Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Các hoạt động vui chơi và giải trí khác (trừ các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề)<br>- Dịch vụ karaoke<br>- Dịch vụ vũ trường<br>- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật phục vụ tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí, nhà hàng không bán vé xem biểu diễn nghệ thuật<br>- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật khác<br>- Tổ chức biểu diễn nghệ thuật không trực tiếp trước công chúng được đăng tải trên hệ thống phát thanh, truyền hình và môi trường mạng do người đăng, phát chịu trách nhiệm. | 9329     |
| 9.  | Cổng thông tin<br>(Trừ hoạt động báo chí)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 6312     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 10. | Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Các dịch vụ tìm kiếm thông tin qua hợp đồng hay trên cơ sở phí (trừ các loại thông tin Nhà Nước cấm và dịch vụ điều tra), (trừ dịch vụ cắt xén thông tin, báo chí)                                                                  | 6399 |
| 11. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, thuế và hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                                                                                               | 6619 |
| 12. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                     | 6810 |
| 13. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết:<br>- Môi giới bất động sản;<br>- Quản lý bất động sản;<br>- Sản giao dịch bất động sản;<br>- Tư vấn bất động sản;                                                                                               | 6820 |
| 14. | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Trừ tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, thuế và hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                                                                                                                                                                  | 7020 |
| 15. | Quảng cáo<br>(Trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                                                                                                                                          | 7310 |
| 16. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ hoạt động điều tra và các hoạt động nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                             | 7320 |
| 17. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;<br>- Hoạt động trang trí nội thất<br>- Thiết kế website, đồ họa | 7410 |
| 18. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>Chi tiết:<br>- Chụp ảnh cho mục đích thương mại, xuất bản, thời trang, bất động sản hoặc du lịch,<br>- Chụp ảnh trên không, Quay video: Đám cưới, hội họp...<br>Loại trừ: Hoạt động của các phóng viên ảnh (Luật báo chí)                                               | 7420 |
| 19. | In ấn<br>(trừ hoạt động xuất bản)                                                                                                                                                                                                                                                              | 1811 |
| 20. | Dịch vụ liên quan đến in<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                            | 1812 |
| 21. | Sao chép bản ghi các loại<br>(trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                           | 1820 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>(Trừ hoạt động đầu giá bán lẻ)                                                                                                                                                                                            | 4791        |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết: Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay                                                                                                                                                                             | 5229        |
| 24. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết :<br>- Khách sạn<br>- Lưu trú cho khách du lịch                                                                                                                                                                                                | 5510(Chính) |
| 25. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                     | 5610        |
| 26. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                             | 5621        |
| 27. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5629        |
| 28. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Quán rượu, bia, quầy bar<br>- Quán cà phê, giải khát                                                                                                                                                                                       | 5630        |
| 29. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(Trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)           | 5911        |
| 30. | Hoạt động hậu kỳ<br>(Trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                   | 5912        |
| 31. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Phát hành phim, băng video, đĩa DVD-s và các sản phẩm tương tự cho các sân khấu phim điện ảnh, mạng lưới và trạm truyền hình, các rạp chiếu bóng;<br>(Trừ phát hành chương trình truyền hình) | 5913        |
| 32. | Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc<br>(Trừ hoạt động xuất bản)                                                                                                                                                                                                                     | 5920        |
| 33. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê thiết bị, dụng cụ âm thanh ánh sáng.                                                                                                                                            | 7730        |
| 34. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                       | 7911        |
| 35. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa<br>- Kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế                                                                                                                                                                   | 7912        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 36. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                                                     | 7990 |
| 37. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741 |
| 38. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                               | 4742 |
| 39. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 40. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                              | 4762 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông           | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                                 | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN THỊ THANH THUỶ | Số 9 Ngõ 34 Tổ 65, Phố Lương Khánh Thiện, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 6.000      | 60.000.000            | 6,000     | 024184001143                                                                                |         |
|     |                       |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                        | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                        | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                       |                                                                                                        | Tổng số                   | 6.000      | 60.000.000            | 6,000     |                                                                                             |         |

|   |                  |                                                                                                           |                           |        |             |        |                  |  |
|---|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|--|
| 2 | PHÙNG VĂN TRƯỜNG | Phố Yên, Phường Hội Hợp, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam                                     | Cổ phần phổ thông         | 55.000 | 550.000.000 | 55,000 | 0261830051<br>12 |  |
|   |                  |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                           | Tổng số                   | 55.000 | 550.000.000 | 55,000 |                  |  |
|   |                  |                                                                                                           |                           |        |             |        |                  |  |
| 3 | GIÁP ĐỨC MẠNH    | Số 9B, Ngõ 34, Tổ 65, Phố Lương Khánh Thiện, Phường Tương Mai, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 39.000 | 390.000.000 | 39,000 | 0240830003<br>17 |  |
|   |                  |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                           | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |  |
|   |                  |                                                                                                           | Tổng số                   | 39.000 | 390.000.000 | 39,000 |                  |  |
|   |                  |                                                                                                           |                           |        |             |        |                  |  |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     |             |                                                                      |              |            |                                                                         |           |                                                                                                               |         |

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **PHÙNG VĂN TRƯỜNG**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *18/06/1983*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *026183005112*

Ngày cấp: *03/07/2022*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Phố Yên, Phường Hội Hợp, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Phố Yên, Phường Hội Hợp, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** **Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội**